

**KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C VÀO LÀM VIỆC TẠI
09 NHNN CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ VÀ MỘT SỐ ĐƠN VỊ THUỘC NHNN TRUNG ƯƠNG
NĂM 2019 - 2020 (CỤM 2)**

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)		(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)+(8)	(10)
I	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Nam (Chỉ tiêu: 01)										
1	NV 2178	Lê Thị Minh	Ngọc		13-10-1996	CVNV			60	60	Trúng tuyển
2	NV 2177	Nguyễn Thùy	Dương		02-12-1993	CVNV			55	55	
II	NHNN Chi nhánh Hải Phòng (Chỉ tiêu: 04)										
1	NV 2168	Lưu Tuấn	Đức	12-05-1996		CVNV			75	75	Trúng tuyển
2	NV 2165	Nguyễn Thị	Dịu		10-02-1997	CVNV			73	73	Trúng tuyển
3	NV 2162	Ngô Thị Lương	Anh		02-07-1985	CVNV			70	70	Trúng tuyển
4	NV 2164	Nguyễn Thị Kim	Chi		03-7-1985	CVNV			69	69	Trúng tuyển
5	NV 2163	Nguyễn Quỳnh	Chi		13-10-1994	CVNV			62	62	
6	NV 2169	Giang Ngân	Hà		30-9-1988	CVNV			60	60	
7	NV 2173	Đỗ Kim	Phương		19-7-1995	CVNV			58	58	
8	NV 2175	Nguyễn Thùy	Tiên		31-10-1997	CVNV			57	57	
9	NV 2167	Hoàng Mạnh	Đức	03-10-1986		CVNV			56	56	
10	NV 2170	Lê Thị	Hồng		18-11-1991	CVNV			55	55	
III	NHNN Chi nhánh tỉnh Hưng Yên (Chỉ tiêu: 02)										
1	NV 2202	Đỗ Phương	Thảo		29-8-1995	CVNV			70	70	Trúng tuyển
2	NV 2196	Trần Hồng	Minh		25-01-1995	CVNV			68	68	Trúng tuyển
3	NV 2192	Đinh Hữu	Đạt	22-8-1996		CVNV			67	67	
4	NV 2204	Nguyễn Thị Anh	Thư		03-02-1992	CVNV			66	66	
5	NV 2205	Nguyễn Thị Hương	Trang		11-5-1995	CVNV			65	65	
6	NV 2199	Đào Đức	Phú	16-10-1995		CVNV			64	64	
7	NV 2188	Bùi Ngọc	Bích		10-12-1990	CVNV			62	62	
8	NV 2194	Nguyễn Thị	Hiền		30-10-1994	CVNV			62	62	
9	NV 2201	Trần Thị Như	Quỳnh		03-6-1989	CVNV			62	62	
10	NV 2195	Vũ Thùy	Huê		23-12-1997	CVNV			60	60	
11	NV 2203	Nguyễn Việt	Thắng	3-9-1994		CVNV			60	60	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)		(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)+(8)	(10)
12	NV 2193	Đoàn Thị Trà	Giang		09-9-1997	CVNV			59	59	
13	NV 2197	Nguyễn Hồng	Nga		25-12-1996	CVNV			57	57	
14	NV 2198	Vũ Thị Kim	Ngân		26-8-1989	CVNV			57	57	
15	NV 2200	Đỗ Thu	Phuong		23-6-1998	CVNV			57	57	
IV NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh (Chỉ tiêu: 01)											
1	NV 2219	Lã Hồng	Phúc	25-9-1997		CVNV			70	70	Trúng tuyển
2	NV 2222	Nguyễn Phương	Thảo		19-11-1996	CVNV			68	68	
3	NV 2223	Vũ Thị Thu	Trang		11-9-1994	CVNV			65	65	
4	NV 2218	Nguyễn Thị	Hoa		25-9-1998	CVNV			64	64	
5	NV 2220	Mai Thị Thanh	Tâm		04-12-1996	CVNV			55	55	
V NHNN Chi nhánh tỉnh Thanh Hóa (Chỉ tiêu: 02)											
1	NV 2237	Lê Thị Mai	Linh		7-1-1993	CVNV	Dân tộc Thái	5	80	85	Trúng tuyển
2	NV 2243	Phạm Văn	Tài	3-11-1994		CVNV			78	78	Trúng tuyển
3	NV 2241	Đỗ Ngọc Thanh	Nga		11-7-1995	CVNV			75	75	
4	NV 2232	Nguyễn Thị	Hà		19-07-1995	CVNV			74	74	
5	NV 2235	Bùi Thị	Hiếu		20-11-1988	CVNV			70	70	
6	NV 2234	Lê Thu	Hiền		18-3-1990	CVNV			69	69	
7	NV 2240	Nguyễn Tuấn	Long	11-03-1990		CVNV			68	68	
8	NV 2229	Lê Văn	Anh		12-12-1988	CVNV			65	65	
9	NV 2231	Lê Hoàng	Giang	01-8-1992		CVNV			60	60	
10	NV 2242	Hà Hồng	Phượng		23-9-1987	CVNV			58	58	
11	NV 2245	Nguyễn Thị	Thúy		24-12-1991	CVNV	Con BB	5	52	57	
12	NV 2230	Trần Thị Minh	Diệu		03-11-1996	CVNV			-	-	Vắng
13	NV 2236	Lê Thị Mai	Hương		9-02-1996	CVNV			-	-	Vắng
VI NHNN Chi nhánh tỉnh Nam Định (Chỉ tiêu: 02)											
1	NV 2179	Vũ Thị	Chung		02-11-1989	CVNV			76	76	Trúng tuyển
2	NV 2187	Nguyễn Thị	Thu		25-10-1987	CVNV			73	73	Trúng tuyển
3	NV 2180	Nguyễn Quang	Hung	1-5-1993		CVNV			70	70	
4	NV 2184	Mai Thị	Mến		10-02-1989	CVNV			65	65	
5	NV 2185	Cao Thị	Nhung		06-02-1989	CVNV	Con TB	5	60	65	
6	NV 2182	Nguyễn Diệu	Linh		12-08-1991	CVNV			62	62	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)+(8)	(10)
7	NV 2183	Đặng Hà Long	12-5-1998		CVNV			51	51	
VII NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Bình (Chỉ tiêu: 02)										
1	NV 2227	Phạm Ngọc Hải	16-01-1997		CVNV			80	80	Trúng tuyển
2	NV 2228	Cao Thị Thu Hằng		20-12-1988	CVNV			75	75	Trúng tuyển
3	NV 2225	Nguyễn Thị Duyên		04-12-1997	CVNV			72	72	
VIII NHNN Chi nhánh tỉnh Ninh Bình (Chỉ tiêu: 02)										
1	NV 2208	Phạm Hữu Định	02-09-1993		CVNV	Con TB	5	80	85	Trúng tuyển
2	NV 2209	Vũ Thị Giang		18-04-1995	CVNV			75	75	Trúng tuyển
3	NV 2207	Phạm Thị Phương Dung		26-8-1996	CVNV			71	71	
4	NV 2206	Đinh Thị Lan Anh		23-09-1997	CVNV			69	69	
5	NV 2216	Tổng Thị Thanh Thơm		09-10-1991	CVNV			65	65	
6	NV 2210	Hoàng Hồng Hạnh		11-05-1992	CVNV			61	61	
7	NV 2213	Đỗ Thị Lâm Oanh		13-01-1995	CVNV			56	56	
8	NV 2211	Mai Thị Loan		23-08-1994	CVNV			52	52	
IX NHNN Chi nhánh TP Hà Nội (Chỉ tiêu: 15)										
Vị trí Chuyên viên nghiệp vụ (Chỉ tiêu: 13)										
1	NV 2147	Trần Thị Huyền Trang		31-03-1991	CVNV	Con TB	5	74	79	Trúng tuyển
2	NV 2018	Nguyễn Cao Cường	17-04-1993		CVNV			78	78	Trúng tuyển
3	NV 2098	Hoàng Kim Nghĩa	14-11-1994		CVNV			78	78	Trúng tuyển
4	NV 2060	Trần Thị Khánh Huyền		05-09-1997	CVNV			77	77	Trúng tuyển
5	NV 2086	Nguyễn Như Long	12-03-1992		CVNV			77	77	Trúng tuyển
6	NV 2007	Nguyễn Việt Anh	01-07-1989		CVNV	Con TB	5	72	77	Trúng tuyển
7	NV 2137	Phù Anh Thơ		06-01-1997	CVNV			77	77	Trúng tuyển
8	NV 2156	Nguyễn Xuân Việt	12-02-1992		CVNV			76	76	Trúng tuyển
9	NV 2030	Đặng Tùng Dương	02-06-1993		CVNV			76	76	Trúng tuyển
10	NV 2034	Lý Hương Giang		12-5-1997	CVNV			76	76	Trúng tuyển
11	NV 2072	Cao Lê Mai Hương		30-9-1997	CVNV			76	76	Trúng tuyển
12	NV 2131	Trần Thị Kim Thành		17-8-1995	CVNV			75	75	Trúng tuyển
13	NV 2045	Lưu Thu Hằng		25-09-1990	CVNV			75	75	Trúng tuyển
14	NV 2074	Bùi Xuân Khải	15-10-1994		CVNV			74	74	
15	NV 2049	Phan Thị Thúy Hằng		04-02-1992	CVNV			73	73	
16	NV 2036	Nguyễn Chí Trần Hà	07-10-1990		CVNV			72	72	
17	NV 2022	Hoàng Văn Chí	06-7-1995		CVNV			71	71	
18	NV 2002	Lương Thị An		10-11-1991	CVNV			71	71	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)		(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)+(8)	(10)
19	NV 2008	Dương Lê Đức	Anh	05-02-1994		CVNV			70	70	
20	NV 2102	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt		16-04-1997	CVNV			69	69	
21	NV 2124	Phạm Anh	Tôn	30-08-1990		CVNV	Dân tộc Nùng	5	64	69	
22	NV 2003	Đỗ Hoàng	Anh	26-08-1992		CVNV			68	68	
23	NV 2146	Cao Thị Huyền	Trang		15-09-1992	CVNV			68	68	
24	NV 2020	Cao Thị Kim	Chi		25-12-1996	CVNV			67	67	
25	NV 2091	Nguyễn Nguyệt	Minh		03-01-1997	CVNV			67	67	
26	NV 2138	Nguyễn Thị	Thủy		04-12-1996	CVNV			67	67	
27	NV 2055	Nguyễn Xuân	Hòa	12-01-1995		CVNV			66	66	
28	NV 2127	Đinh	Tuấn	15-09-1992		CVNV			66	66	
29	NV 2145	Nguyễn Thị Thu	Trang		27-12-1988	CVNV			66	66	
30	NV 2015	Vũ Mai	Anh		01-01-1995	CVNV			65	65	
31	NV 2042	Lê Thị Bích	Hạnh		27-01-1988	CVNV			65	65	
32	NV 2081	Bùi Thủy	Linh		08-05-1994	CVNV			65	65	
33	NV 2111	Nguyễn Thị Hà	Phương		24-04-1991	CVNV			65	65	
34	NV 2031	Lê Thủy	Dương		18-12-1993	CVNV			64	64	
35	NV 2105	Trần Minh	Phúc	26-11-1996		CVNV			63	63	
36	NV 2079	Nguyễn Thị Hồng	Lanh		02-09-1994	CVNV			63	63	
37	NV 2101	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		24-12-1995	CVNV			63	63	
38	NV 2006	Lê Hoàng	Anh	25-01-1993		CVNV			62	62	
39	NV 2100	Nguyễn Thị	Ngọc		12-4-1985	CVNV			62	62	
40	NV 2149	Nguyễn Ngọc	Trâm		13-06-1994	CVNV			62	62	
41	NV 2125	Hoàng Minh	Tú	13-04-1989		CVNV			61	61	
42	NV 2056	Trần Minh	Hoàng	19-9-1995		CVNV			61	61	
43	NV 2053	Trần Thị Phương	Hoa		17-11-1996	CVNV			61	61	
44	NV 2066	Lê Thị Khánh	Huyền		10-9-1997	CVNV			61	61	
45	NV 2061	Vũ Thị Thanh	Huyền		27-01-1993	CVNV			60	60	
46	NV 2004	Vũ Tuấn	Anh	29-09-1990		CVNV			60	60	
47	NV 2009	Nguyễn Ngọc Châu	Anh		01-03-1997	CVNV			60	60	
48	NV 2048	Nguyễn Thu	Hằng		21-7-1987	CVNV			60	60	
49	NV 2050	Trương Công	Hậu	12-5-1989		CVNV			60	60	
50	NV 2095	Lưu Thị Hằng	Nga		29-9-1991	CVNV			60	60	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)+(8)	(10)
51	NV 2107	Bùi Thị Phương		20-3-1987	CVNV			60	60	
52	NV 2144	Phạm Thu Trang		21-06-1995	CVNV			60	60	
53	NV 2016	Nguyễn Ngọc Bích		17-01-1992	CVNV			60	60	
54	NV 2044	Trần Thị Hằng		11-05-1995	CVNV			60	60	
55	NV 2092	Nguyễn Công Minh	06-10-1992		CVNV			60	60	
56	NV 2118	Vũ Thị Hồng Sâm		05-07-1993	CVNV			60	60	
57	NV 2136	Chu Văn Thắng	03-02-1990		CVNV			60	60	
58	NV 2104	Nguyễn Thị Nhường		02-02-1992	CVNV			59	59	
59	NV 2119	Lê Xuân Sơn	26-03-1997		CVNV			59	59	
60	NV 2051	Nguyễn Thị Thu Hiền		10-04-1984	CVNV			59	59	
61	NV 2143	Phạm Thu Trang		19-7-1997	CVNV			59	59	
62	NV 2160	Trần Thị Hải Yến		21-02-1995	CVNV			59	59	
63	NV 2063	Nguyễn Thị Thanh Huyền		29-03-1989	CVNV			58	58	
64	NV 2069	Dương Đỗ Thu Hương		07-04-1992	CVNV			58	58	
65	NV 2083	Phạm Thị Linh		01-04-1988	CVNV			58	58	
66	NV 2154	Nguyễn Thị Vân		08-08-1989	CVNV			58	58	
67	NV 2054	Nguyễn Lê Hòa	01-02-1991		CVNV			57	57	
68	NV 2065	Nguyễn Thanh Huyền		04-06-1994	CVNV			57	57	
69	NV 2010	Nguyễn Phương Anh		09-09-1997	CVNV			56	56	
70	NV 2025	Phạm Phương Dung		24-05-1991	CVNV			56	56	
71	NV 2047	Nguyễn Thị Hằng		01-07-1991	CVNV			56	56	
72	NV 2113	Đỗ Minh Phượng		28-10-1991	CVNV			56	56	
73	NV 2023	Lê Thị Tuyết Chinh		07-10-1991	CVNV	Con TB	5	50	55	
74	NV 2077	Trần Thanh Lam		11-05-1997	CVNV			55	55	
75	NV 2139	Nguyễn Ngọc Lê Thủy		30-4-1988	CVNV			55	55	
76	NV 2024	Trần Thị Minh Diệu		03-11-1996	CVNV			55	55	
77	NV 2038	Hoàng Thanh Hà	05-4-1994		CVNV			55	55	
78	NV 2070	Vũ Thị Hương		28-02-1996	CVNV			55	55	
79	NV 2140	Nguyễn Anh Thư		12-02-1997	CVNV			55	55	
80	NV 2155	Nguyễn Thị Vân		02-9-1990	CVNV			55	55	
81	NV 2043	Dư Thị Hồng Hào		18-10-1991	CVNV			54	54	
82	NV 2062	Bùi Thị Huyền		10-02-1985	CVNV			54	54	
83	NV 2035	Vũ Minh Hà		05-02-1992	CVNV			54	54	



STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)+(8)	(10)
84	NV 2041	Trần Thị Thúy Hạnh		05-01-1992	CVNV			54	54	
85	NV 2076	Phạm Mạnh Khoa	01-08-1990		CVNV			54	54	
86	NV 2117	Nguyễn Quang Sáng	12-01-1994		CVNV			54	54	
87	NV 2122	Trần Thủy Tiên		12-09-1994	CVNV			53	53	
88	NV 2159	Nguyễn Hải Yến		21-10-1993	CVNV			53	53	
89	NV 2033	Đào Thành Đạt	06-07-1990		CVNV			53	53	
90	NV 2037	Nguyễn Thu Hà		23-05-1990	CVNV			53	53	
91	NV 2059	Phạm Thị Huyền		28-09-1985	CVNV			53	53	
92	NV 2080	Lại Tùng Lâm	01-09-1997		CVNV			53	53	
93	NV 2012	Nguyễn Huệ Anh		3-10-1996	CVNV					Vắng
94	NV 2026	Trịnh Việt Dũng	10-09-1992		CVNV					Vắng
95	NV 2027	Đinh Mạnh Dũng	26-12-1990		CVNV					Vắng
96	NV 2040	Vũ Thảo Hạnh		09-11-1995	CVNV					Vắng
97	NV 2046	Triệu Thu Hằng		22-07-1994	CVNV	Dân tộc Tày	5			Vắng
98	NV 2078	Nguyễn Thanh Lam		07-03-1995	CVNV					Vắng
99	NV 2096	Lê Thị Nga		02-09-1983	CVNV					Vắng
100	NV 2109	Đặng Thị Minh Phương		24-05-1993	CVNV	Con TB	5			Vắng
101	NV 2110	Lò Thị Nam Phương		09-11-1994	CVNV	Dân tộc Thái	5			Vắng
102	NV 2128	Nguyễn Lê Thái	04-12-1997		CVNV					Vắng
103	NV 2150	Ngô Bảo Trung	04-06-1993		CVNV					Vắng
104	NV 2152	Lê Võ Châu Uyên		08-04-1997	CVNV					Vắng
105	NV 2153	Nguyễn Thị Tường Vân		26-02-1997	CVNV					Vắng
Vị trí Chuyên viên pháp chế ngân hàng (Chỉ tiêu: 02)										
1	PC 2044	Nguyễn Quang Việt	22-11-1995		PCNH			75	75	Trúng tuyển
2	PC 2011	Nguyễn Thị Thảo Duyên		03-05-1997	PCNH			74	74	Trúng tuyển
3	PC 2039	Đinh Thị Huyền Trang		10-07-1991	PCNH			73	73	
4	PC 2010	Phạm Duy	08-03-1997		PCNH			71	71	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)+(8)	(10)
5	PC 2009	Đỗ Ngọc Dung		29-6-1996	PCNH			69	69	
6	PC 2043	Ngô Phương Vi	10-05-1997		PCNH			68	68	
7	PC 2025	Trần Lan Hương		17-05-1997	PCNH			67	67	
8	PC 2020	Hoàng Thị Mỹ Hoa		15-08-1995	PCNH	Dân tộc Tày	5	62	67	
9	PC 2018	Phạm Hồng Hạnh		13-3-1995	PCNH			65	65	
10	PC 2028	Lê Đức Mạnh	24-12-1996		PCNH	Dân tộc Tày	5	60	65	
11	PC 2038	Nguyễn Lệ Thủy		20-8-1991	PCNH			64	64	
12	PC 2008	Nguyễn Khắc Doanh	03-10-1992		PCNH			63	63	
13	PC 2031	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên		27-06-1997	PCNH			63	63	
14	PC 2006	Trần Minh Châu		11-02-1997	PCNH			62	62	
15	PC 2014	Lê Thị Thu Hà		23-03-1995	PCNH			62	62	
16	PC 2034	Nguyễn Hùng Sơn	24-05-1997		PCNH	Dân tộc Tày	5	57	62	
17	PC 2007	Bùi Phúc Thuận Châu	26-10-1997		PCNH			60	60	
18	PC 2036	Nguyễn Phương Thảo		09-7-1997	PCNH			60	60	
19	PC 2015	Nguyễn Thị Hà		28-02-1997	PCNH			59	59	
20	PC 2017	Lê Thị Hồng Hạnh		23-09-1997	PCNH			58	58	
21	PC 2002	Phạm Thị Quỳnh Anh		13-10-1995	PCNH			57	57	
22	PC 2013	Vi Đức Giang	21-04-1995		PCNH	Dân tộc Thái	5	50	55	
23	PC 2033	Lò Thị Trang Nhung		30-11-1997	PCNH	Dân tộc Thái	5	50	55	
24	PC 2016	Đặng Thị Hạnh		04-06-1997	PCNH			52	52	
25	PC 2021	Nguyễn Thu Hồng		27-12-1997	PCNH			52	52	
26	PC 2003	Nguyễn Thị Vân Anh		20-10-1983	PCNH			50	50	
27	PC 2041	Đỗ Thị Hiệp Trang		18-7-1995	PCNH			50	50	
28	PC 2012	Nguyễn Quang Đạo	5-2-1996		PCNH					Vắng
29	PC 2026	Nguyễn Thị Hương Liên		25-11-1997	PCNH					Vắng
30	PC 2035	Trịnh Thị Phương Thảo		14-03-1996	PCNH					Vắng

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)+(8)	(10)
X	NHNN Trung ương - Vị trí Chuyên viên Công nghệ thông tin (Chỉ tiêu: 04)									
1	CNTT 2005	Phạm Trí Tú	19-11-1996		CNTT			56	56	Trúng tuyển
2	CNTT 2006	Trần Nguyên Thành	12-7-1991		CNTT			55	55	Trúng tuyển
3	CNTT 2004	Phạm Thị Ninh Giang		09-7-1996	CNTT			47	47	

TM. HỘI ĐỒNG
ỦY VIÊN

Đặng Văn Tuyên

VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
Đặng Văn Tuyên

